



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn GCL

Ngày 30/06/2025	17,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	43.8%	2.4%	10.1%

DT thuần Q2/25
1.99
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.99
YoY: ▼2.85 -58.9%

LN thuần Q2/25
-0.72
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.64 -804%
YoY: ▲ 0.92 55.9%

LN sau thuế Q2/25
-0.74
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.66 -821%
YoY: ▲ 0.85 53.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-37.1%

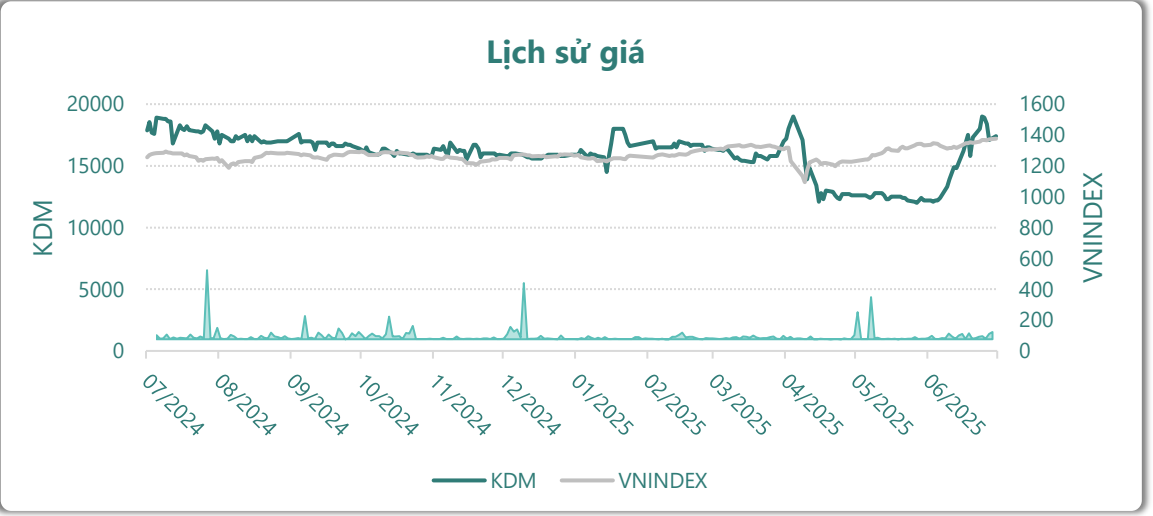
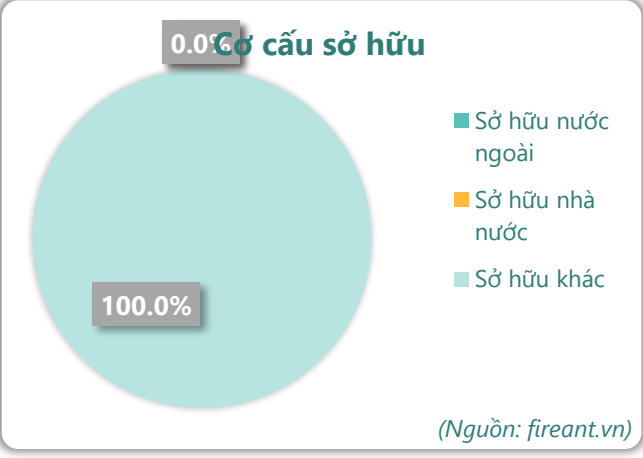
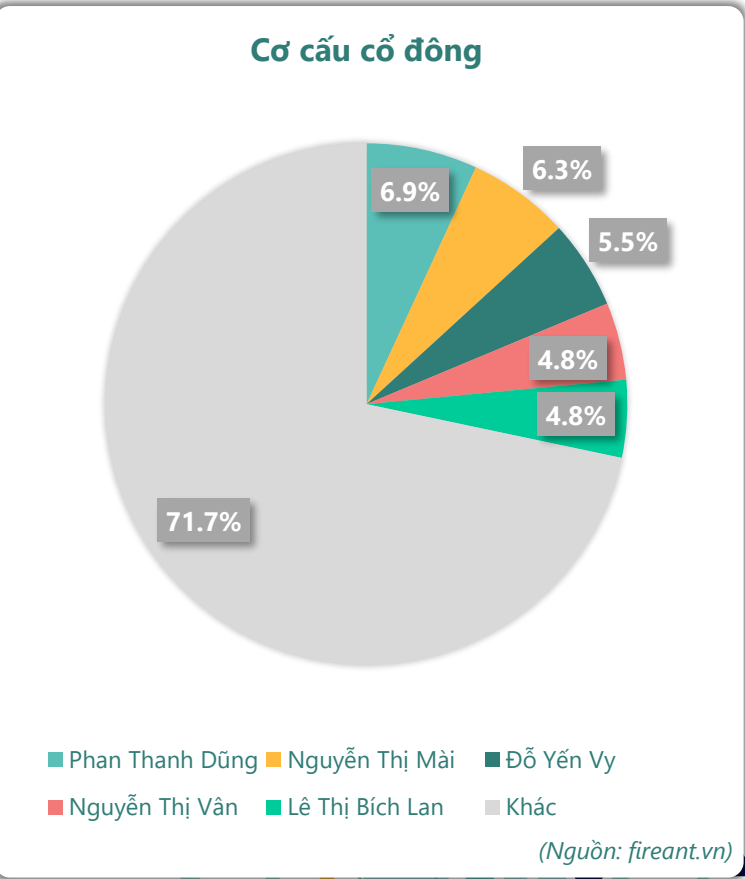
ROE (TTM) Q2/25
2.4%
YoY: +/-▲ 1.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	12,000 - 19,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
Số lượng CPLH (CP)	7,596,981
KLGD BQ 20 phiên (CP)	46,265
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.23
EPS	243
P/E	71.7

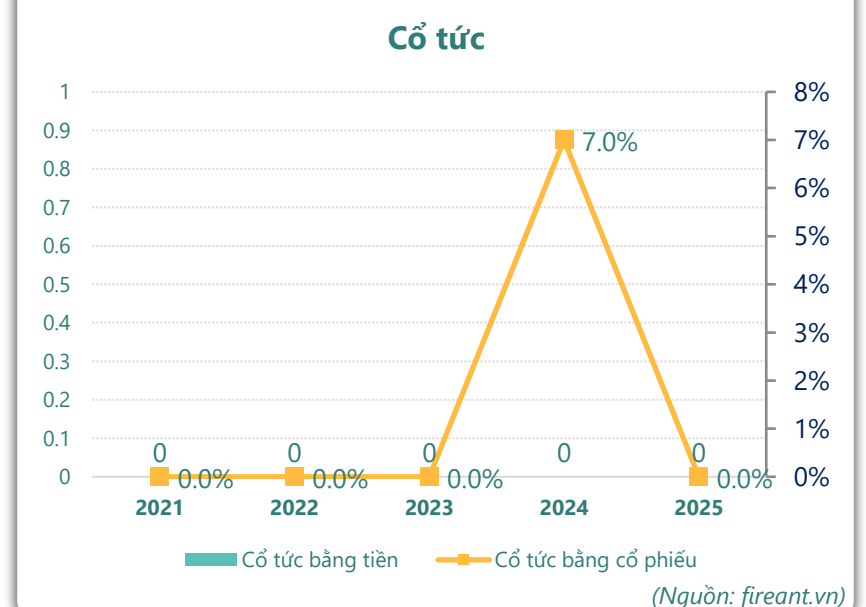
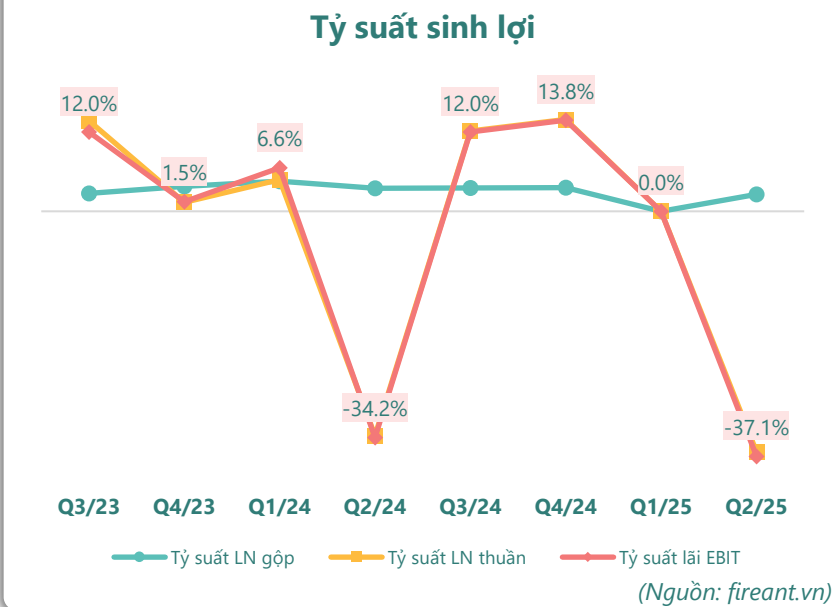
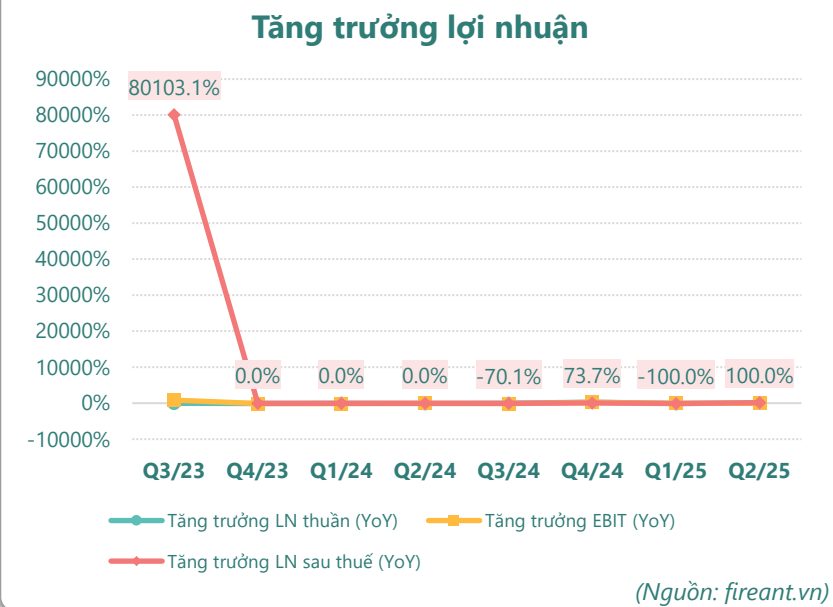
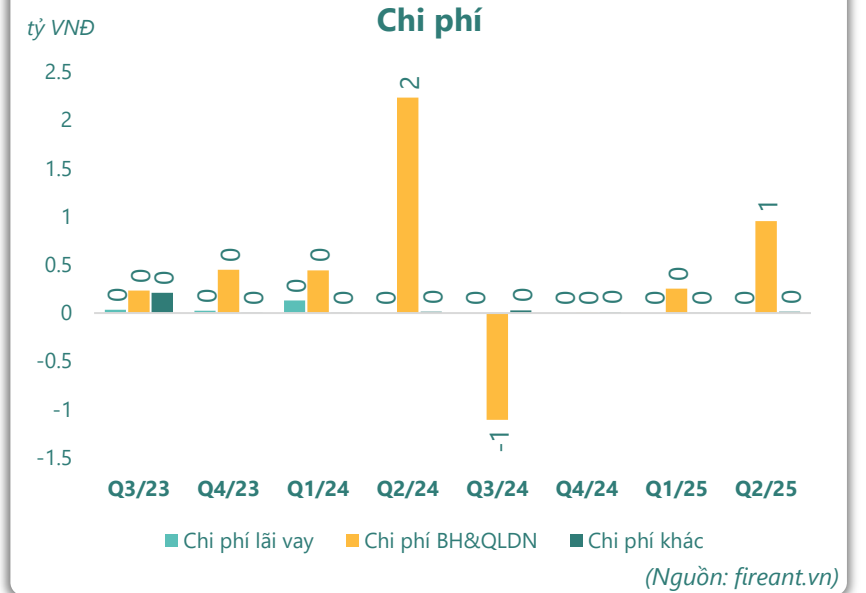
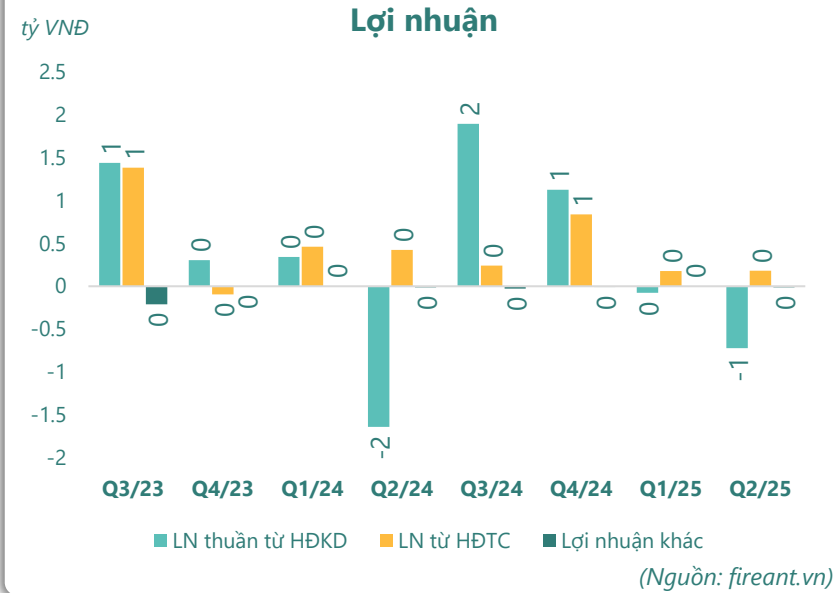
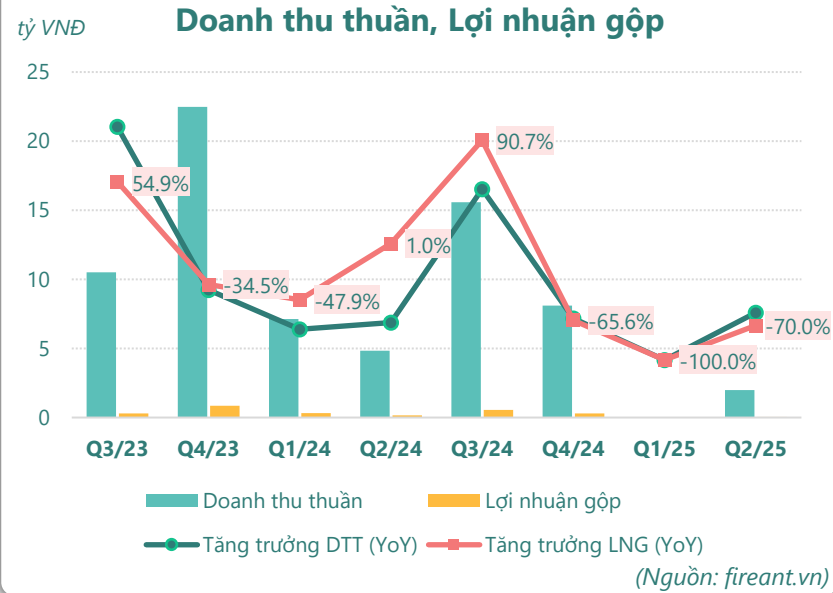
DT thuần 6T 2025
1.99
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.0 -83.4%

LN thuần 6T 2025
-0.80
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.50 38.5%

LN sau thuế 6T 2025
-0.81
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.50 38.1%



KẾT QUẢ KINH DOANH

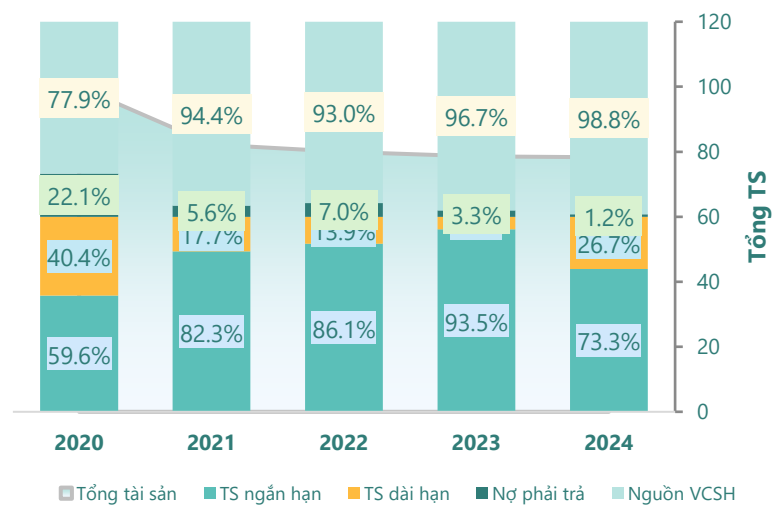




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

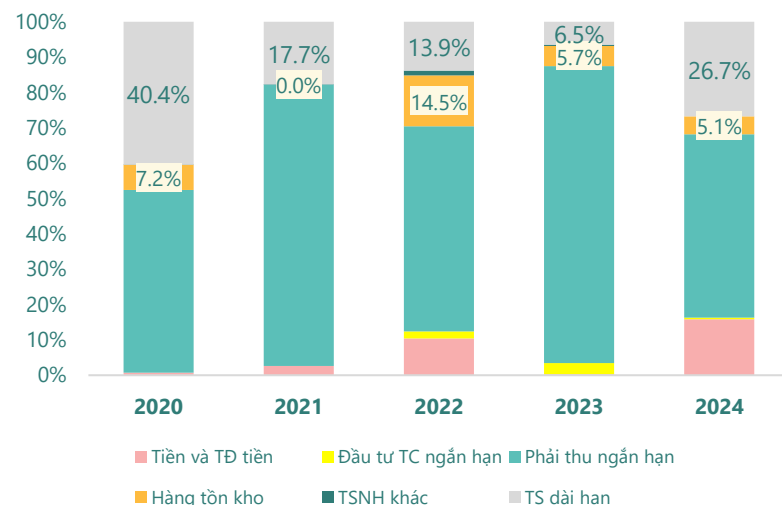
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

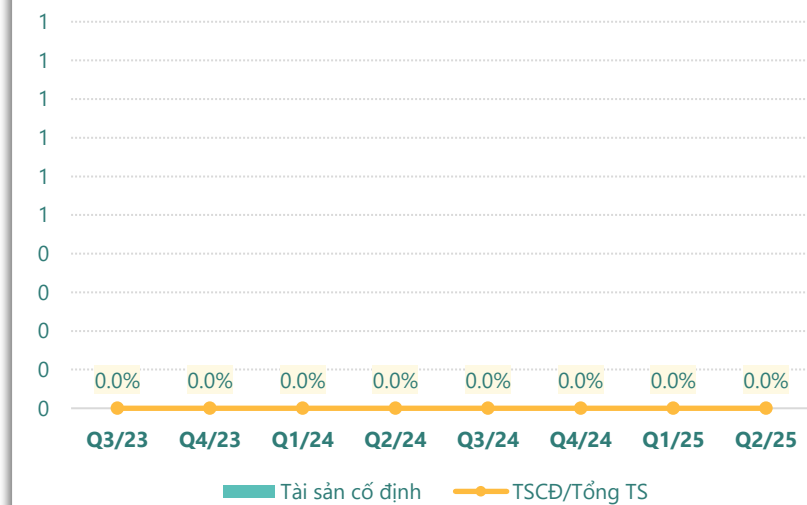
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

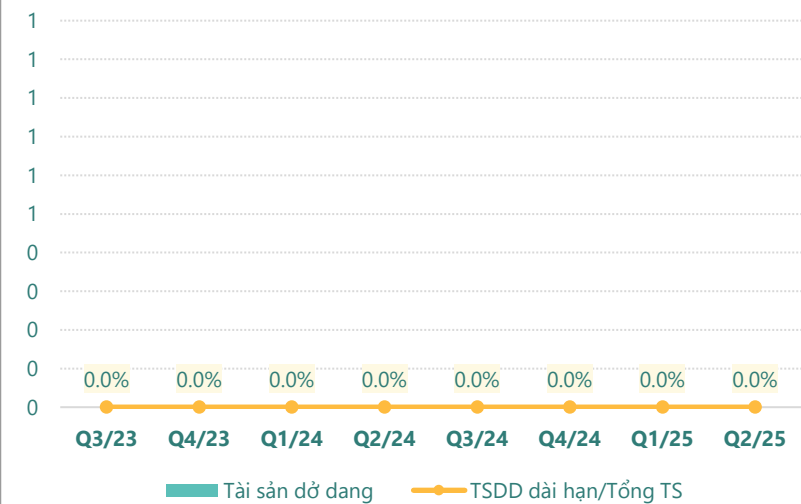
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

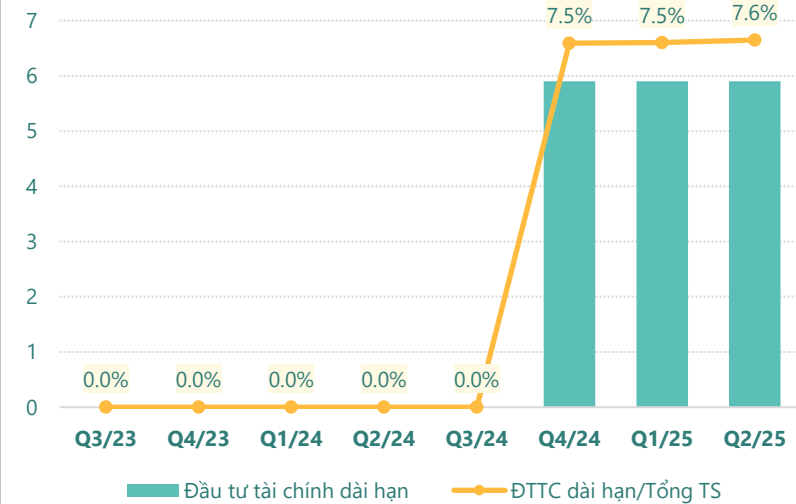
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

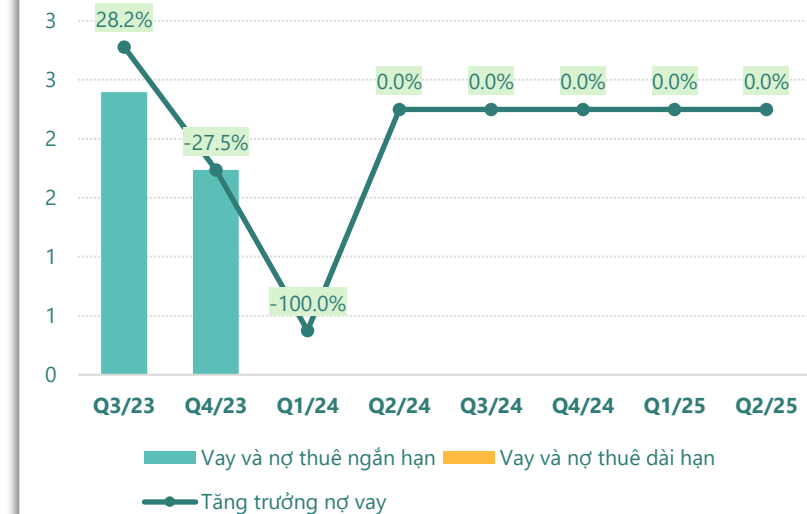
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

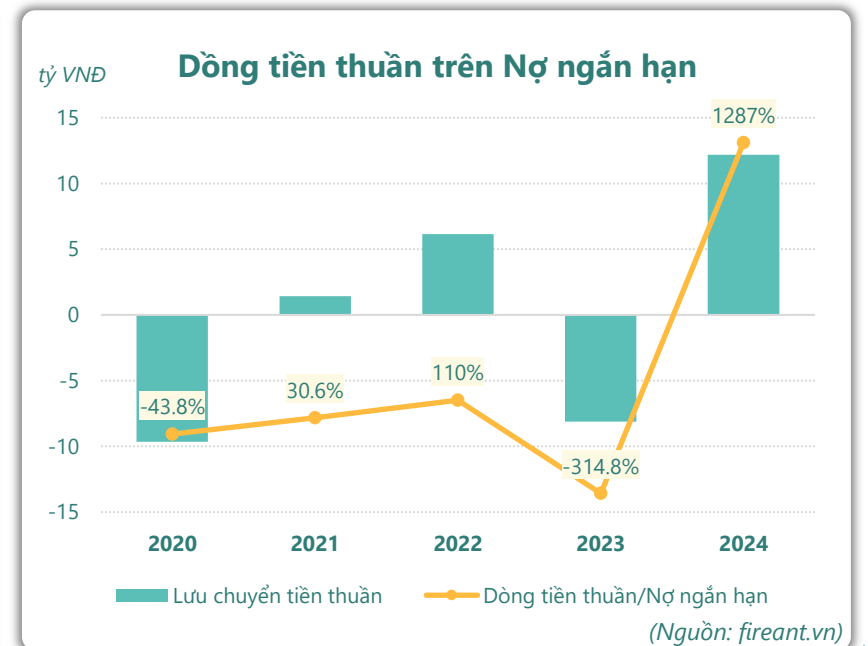
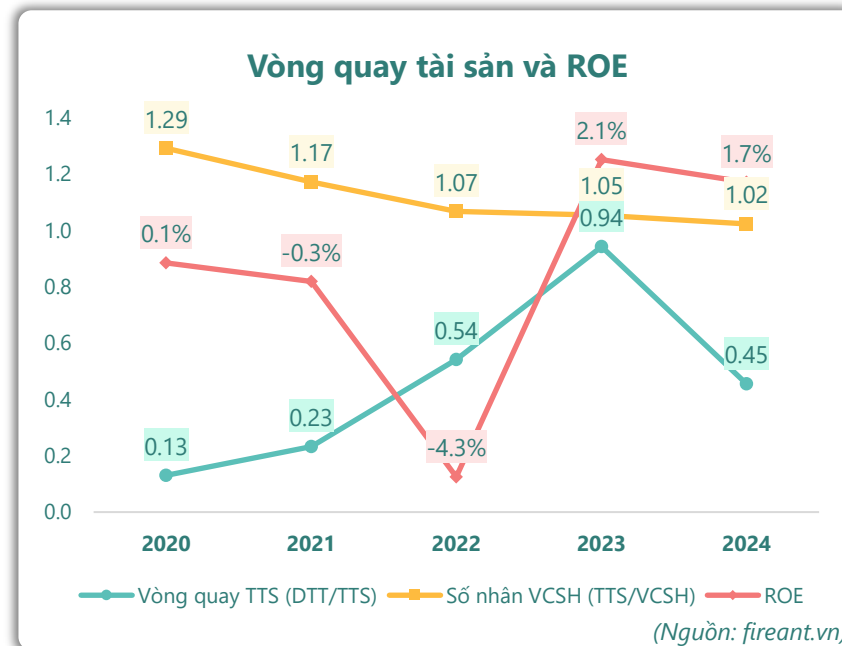
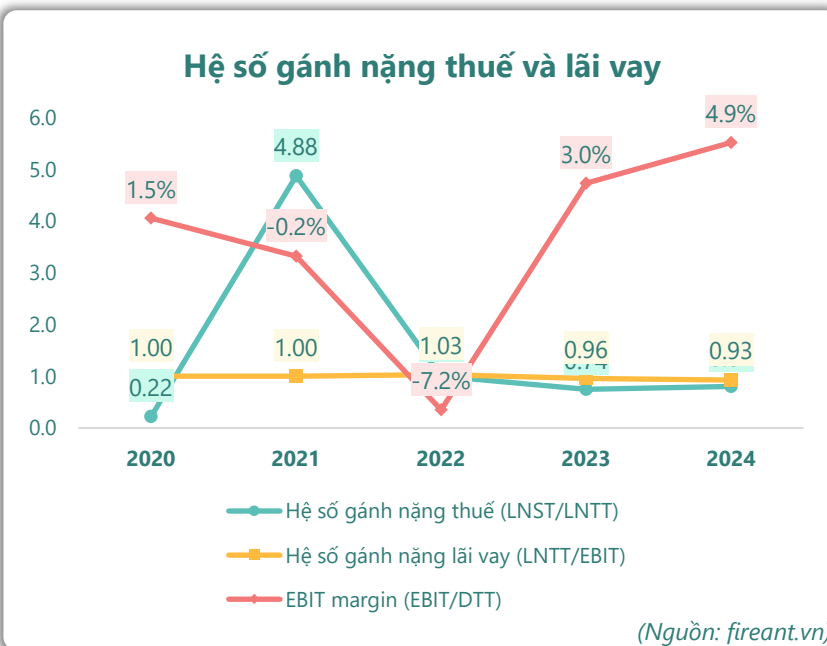
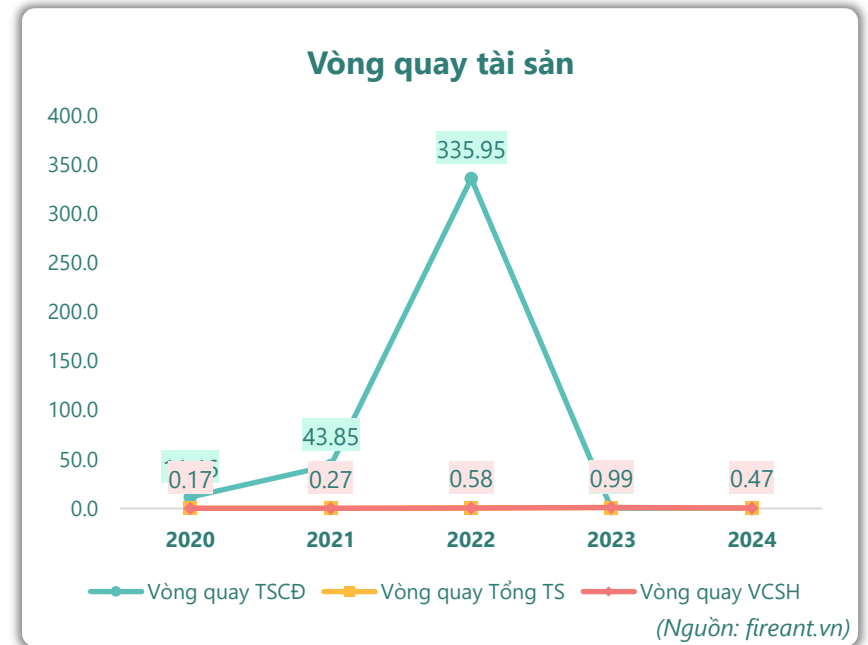
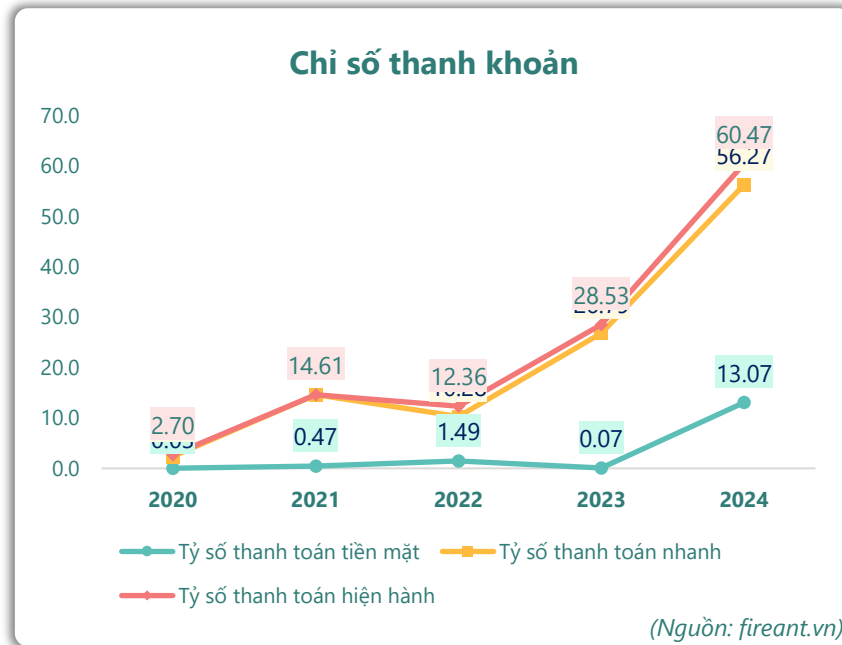
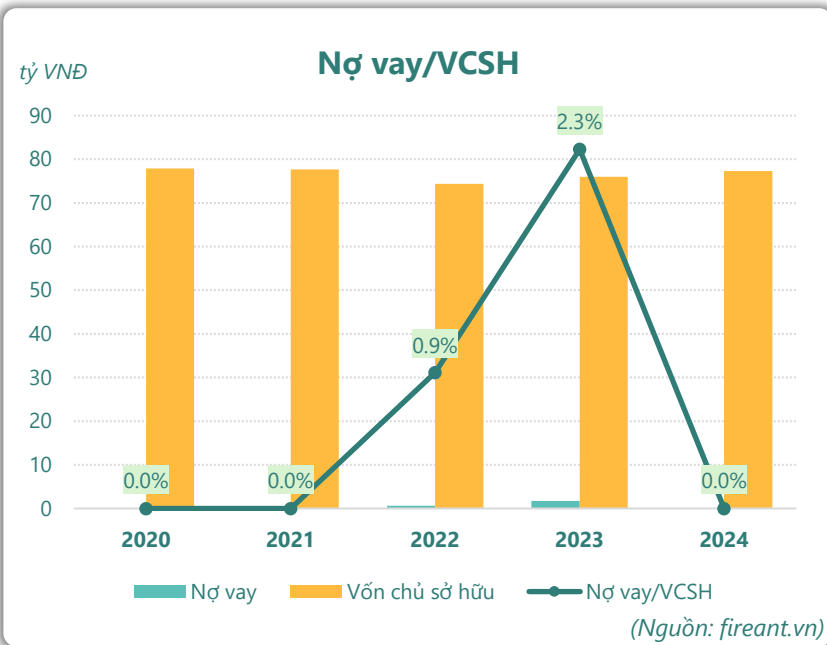
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.99	4.84	-58.9%	1.99	12.0	-83.4%
Giá vốn hàng bán	1.94	4.67	-58.5%	1.94	11.5	-83.1%
Lợi nhuận gộp	0.05	0.17	-70.3%	0.05	0.49	-89.8%
Doanh thu HĐTC	0.18	0.42	-56.9%	0.36	0.95	-61.7%
Chi phí TC	0	0.00		0.01	0.07	-91.7%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.13	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.95	2.23	-57.2%	1.21	2.68	-54.9%
LN thuần từ HĐKD	-0.72	-1.64	55.9%	-0.80	-1.30	38.5%
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.01	-36.2%	-0.01	-0.01	5.7%
LN trước thuế	-0.74	-1.66	55.6%	-0.81	-1.31	38.1%
Lợi nhuận sau thuế	-0.74	-1.59	53.7%	-0.81	-1.31	38.1%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.74	-1.59	53.7%	-0.81	-1.31	38.1%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.26	-14.3	9.98	5.12	6.67	5.11
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.83	7.04	-4.51	-0.46	-10.0	-6.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.74	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.19	9.54	2.25	7.72	12.4	9.06
Lưu chuyển tiền thuần	9.35	-7.28	5.47	4.66	-3.33	-1.00
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.54	2.25	7.72	12.4	9.06	8.05

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	77.6	78.2	-0.8%
Tài sản ngắn hạn	56.7	57.3	-1.0%
Tiền và tương đương tiền	8.05	12.4	-35.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.39	-100%
Phải thu ngắn hạn	42.2	40.6	4.1%
Hàng tồn kho	6.25	3.98	56.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.24	0	
Tài sản dài hạn	20.9	20.9	-0.1%
Phải thu dài hạn	15.0	15.0	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	5.90	5.90	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0.03	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1.16	0.95	22.7%
Nợ ngắn hạn	1.16	0.95	22.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.20	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	76.5	77.3	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	76.5	77.3	-1.1%
Vốn điều lệ	76.0	76.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

